

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/9/2020

*V/v: “Không công nhận  
quan hệ vợ chồng,  
tranh chấp nuôi con”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI  
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Đặng Thị Thơm*

*2/ bà Đỗ Thị Ngọc Sanh*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất ghi biên bản phiên tòa.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.*

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2020, về việc “không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị D – sinh năm: 1976

Bị đơn: Ông Nguyễn Phi L – sinh năm: 1977

Cùng nơi cư trú: Đội 3, ấp T, xã X, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(bà D, ông L vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22 tháng 06 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Ngô Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông L quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 06 tháng thì về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L hay uống rượu say, về nhà kiểm chuyện và chửi bới bà D, trước đây hai vợ chồng làm nghề cạo mủ cao su

đi cạo buổi đêm nhưng khi hai vợ chồng cãi nhau, lời qua tiếng lại thì ông L đánh bà D (việc ông L đánh bà D không để lại thương tích nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết). Khoảng 01 tháng nay ông L thường có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà D và còn hăm dọa giết bà D. Đã nhiều lần vì con nên bà D nhẫn nhịn để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng tính tình ông L không chịu thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặt khác tính tình ông L nhỏ nhen, vợ chồng chung sống không tin tưởng nhau, ông L bắt bà D kê khai, chi tiêu tiền bạc hàng ngày cụ thể cho ông L kiểm tra, nhiều lần bà D can ngăn nhưng ông L không thay đổi.

Khoảng 01 năm nay vợ chồng không sống chung nhà với nhau, vợ chồng không quan tâm, thực hiện nghĩa vụ chung vợ chồng.

Nay bà D xác định không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phi L.

*Về con chung:* Vợ chồng có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết S, sinh ngày: 02/5/1993; cháu Nguyễn Thị Lan V, sinh ngày: 19/02/1997 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày: 27/02/2006.

Hiện cháu Vi đang sống chung cùng với ông L, khi ly hôn bà D đồng ý giao cháu Nguyễn Tường V cho ông L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Do ông L không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên bà không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay nghề nghiệp của bà D là bán cây cảnh, thu nhập trung bình mỗi tháng là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Đối với cháu Nguyễn Thị Lan V và cháu Nguyễn Thị Tuyết S đã thành niên và có khả năng lao động.

*Về tài sản chung:* Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

*Về nợ riêng:* Không có.

*Tại bản tự khai đề ngày 17 tháng 8 năm 2020 và các lời khai tiếp theo bị đơn ông Nguyễn Phi L trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D và ông L quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm, đến năm 1996 thì bà D và ông L về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng 01 năm nay thường xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, bà D không quan tâm, lo cho gia đình mà thường tụ tập bạn bè đi chơi, mặt khác bà D có biểu hiện không chung thủy (thực tế như thế nào ông L khai như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh). Khoảng tháng 10 năm 2019 sau khi nghe các cuộc gọi của bà D với người đàn ông khác ông L nói chuyện với ai thì bà D cho rằng ông L ngăn cản các mối quan hệ của bà D nên còn lớn tiếng chửi bới ông

L, vì quá tức giận nên ông L có đập phá đồ đạc trong gia đình, từ đó bà D tức giận nên chuyển sang căn nhà bên cạnh của vợ chồng ở, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm, yêu thương đến nhau, việc ai nấy làm.

Nay bà D yêu cầu ly hôn, ông L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và ông xác định đã hết tình cảm với bà D nên ông đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết S, sinh ngày: 02/5/1993; cháu Nguyễn Thị Lan V, sinh ngày: 19/02/1997 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày: 27/02/2006.

Hiện cháu Tường V đang sống chung cùng với ông L, khi ly hôn ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Tường V. Tạm thời ông L không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Ông L có nghề sửa xe Honda, thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000đ (mười triệu đồng) và tiền lương hưu hàng tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) đủ khả năng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thị Lan V và cháu Nguyễn Thị Tuyết S đã thành niên và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung*: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng chung sống không có nợ chung.

- *Về nợ riêng*: Không có.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:***

*Về thủ tục tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật.

*Về đường lối giải quyết vụ án*: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Phi L không công nhận là vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng và áp dụng pháp luật**: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Ngô Thị D, bị đơn ông Nguyễn Phi L vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên ông, bà đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1.1] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Phi L là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Hai người đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp T, xã X, huyện Thống Nhất nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Xét, thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân & gia đình năm 1986, tuy nhiên tại thời điểm ông bà yêu cầu ly hôn thì Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 có hiệu lực, nội dung quy định không trái với Luật hôn nhân & gia đình năm 1986 nên HĐXX áp dụng Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông L thì thấy: bà D và ông L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn, đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà D với ông L sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn là có căn cứ và ông bà thừa nhận đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trong một thời gian dài, nay cả hai xác định không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D. Căn cứ khoản 2 Điều 53 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà D và ông L là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Bà D và ông L có 03 (ba) con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết S, sinh ngày: 02/5/1993; cháu Nguyễn Thị Lan V, sinh ngày: 19/02/1997 và cháu Nguyễn Tường V, sinh ngày: 27/02/2006. Hiện cháu Vi đang do ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà D, ông L thỏa thuận giao cháu Tường Vi cho ông L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Tường Vi cũng thể hiện nguyện vọng được sống chung với ông L. Xét để ổn định cuộc sống của trẻ, cần tiếp tục giao cháu Vi cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do ông L không yêu cầu bà D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên tạm thời bà D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thị Tuyết S và cháu Nguyễn Thị Lan V đã thành niên và có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản*: Bà D, ông L không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: bà D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, bà D đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được chuyển sang nộp án phí.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 5; khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị D.**

- *Về hôn nhân*: Pháp luật không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Ngô Thị D và ông Nguyễn Phi L là vợ chồng.

- *Về con chung*: giao cháu Nguyễn Tường V – sinh ngày 27/02/2006 cho ông Nguyễn Phi L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông L không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở...

- *Về chia tài sản*: bà D, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: bà Ngô Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006110 ngày 02 tháng 07 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất sang nộp án phí. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

- *Quyền kháng cáo*: Bà D, ông L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

Các đương sự;  
TAND tỉnh ĐN;  
Chi cục THADS huyện TN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VKS huyện TN;  
UBND xã X.  
Lưu hồ sơ vụ án;

**Đặng Quang Phúc**